

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
PHÒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐẦU TƯ

THỐNG KÊ SỬ DỤNG TÀI SẢN PHÒNG HỌC NHÀ B
TỪ NGÀY 20/08/2022 ĐẾN 20/08/2023

ST T	Phòng	Số lượt theo lịch học chính quy/ học kỳ 1	Số lượt theo lịch học chính quy/ học kỳ 2	Số lượt theo lịch học chính quy/ học kỳ hè	Số lượt theo bố trí ngoài buổi ngày/ năm	Bố trí buổi tối cả năm	Tổng số lượt
1	B1 101	0	0	0	0	213	213
2	B1 102	1	0	0	7	32	40
3	B1 103	1	0	0	0	32	33
4	B1 104	24	0	0	13	0	37
5	B1 105	27	0	0	12	0	39
6	B1 201	24	36	9	22	139	230
7	B1 202	15	34	10	18	138	215
8	B1 203	19	36	6	17	128	206
9	B1 204	19	32	6	17	120	194
10	B1 301	22	26	5	7	59	119
11	B1 302	29	32	0	7	58	126
12	B1 303	23	39	7	13	68	150
13	B1 304	22	30	12	12	67	143
14	B2 101	13	0	0	1	173	187
15	B2 102	0	0	0	0	28	28
16	B2 104	28	38	8	5	115	194
17	B2 201	21	41	0	2	62	126
18	B2 202	29	38	6	3	89	165
19	B2 203	25	42	8	6	88	169
20	B2 204	24	28	3	7	79	141
21	B2 205	29	32	10	1	72	144
22	B2 301	15	37	0	2	42	96
23	B2 302	16	34	0	3	41	94
24	B2 303	13	42	0	0	36	91
25	B2 304	23	31	6	2	43	105

ST T	Phòng	Số lượt theo lịch học chính quy/ học kỳ 1	Số lượt theo lịch học chính quy/ học kỳ 2	Số lượt theo lịch học chính quy/ học kỳ hè	Số lượt theo bố trí ngoài buổi ngày/ năm	Bố trí buổi tối cả năm	Tổng số lượt
26	B2 305	24	28	3	7	39	101
27	B2 401	0	0	0	0	0	0
28	B2 402	17	43	0	2	19	81
29	B2 403	12	37	0	0	17	66
30	B2 404	20	32	6	1	18	77
31	B2 405	22	29	3	0	15	69
32	B2 501	10	37	0	0	8	55
33	B2 502	17	41	0	0	7	65
34	B2 503	14	32	0	1	6	53
35	B2 504	27	30	0	1	7	65
36	B2 505	21	27	0	1	7	56
37	B3 101	19	38	0	4	211	272
38	B3 102	31	40	6	2	124	203
39	B3 103	26	40	5	4	116	191
40	B3 104	23	42	10	3	118	196
41	B3 201	22	34	6	1	89	152
42	B3 202	24	32	9	3	90	158
43	B3 203	21	46	3	5	92	167
44	B3 204	27	36	3	3	83	152
45	B3 301	21	30	3	8	33	95
46	B3 302	17	29	0	12	32	90
47	B3 303	23	30	6	4	35	98
48	B3 304	12	29	0	1	24	66
49	B3 305	9	28	0	0	24	61
50	B3 401	20	26	3	2	14	65
51	B3 402	17	29	0	2	12	60
52	B3 403	20	32	3	0	11	66
53	B3 404	18	23	0	1	11	53
54	B3 405	16	19	0	2	10	47
55	B3 501	19	22	0	2	6	49

ST T	Phòng	Số lượt theo lịch học chính quy/ học kỳ 1	Số lượt theo lịch học chính quy/ học kỳ 2	Số lượt theo lịch học chính quy/ học kỳ hè	Số lượt theo bố trí ngoài buổi ngày/ năm	Bố trí buổi tối cả năm	Tổng số lượt
56	B3 502	22	23	0	3	4	52
57	B3 503	15	30	0	3	3	51
58	B3 504	9	32	0	0	2	43
59	B3 505	10	35	0	0	2	47
Tổng		1087	1689	165	255	3211	6407

Nghệ An, ngày 1 tháng 9 năm 2023

PHÒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐẦU TƯ

Trần Đình Luân

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phan Thị Thu Hiền

